TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST
Ngày 07- 9 - 2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Hồ Thị Ngân

2. Ông Hoàng Minh Châu

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Tú-Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Thị Thu G,** sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Lộ Liên H, phường V, thành phố R, tỉnh K.

2. Bị đơn: **Bà Huỳnh Huyền T,** sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: 574 M, khu phố Ng, phường V, thành phố R, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn Đức B**; sinh năm: 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: 574 M, khu phố Ng, phường V, thành phố R, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Trần Thị Thu G: Giữa bà G và bà T có mối quan hệ quen biết nhau, nên vào ngày 09/10/2016 (âm lịch) bà Huỳnh Huyền T mượn bà G số tiền 1.660.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng) để làm ăn. Ngày 20/5/2018 âm lịch bà T có viết biên nhận nợ để xác định lại số tiền mượn và hẹn ngày18/4/2018 âm lịch nhằm ngày 01/6/2018 dương lịch sẽ trả đủ số tiền trên. Tuy nhiên, đến hết thời gian hẹn bà G đã yêu cầu nhiều lần

nhưng bà T không thực hiện cam kết. Ngày 13/7/2018 bà G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền nợ là 1.660.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng) theo biên nhận và yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày vi phạm cam kết ngày 01/6/2018 đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

- Bị đơn bà Huỳnh Huyền T có lời khai: Bà T thừa nhận có vay tiền bà G nhiều lần từ khoảng tháng 11/2017 để làm ăn. Khoảng vào ngày 20/5/2018 (âm lịch) bà T và bà G chốt lại nợ, bà T viết biên nhận xác định số tiền nợ là 1.660.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Biên nhận do bà T tự viết và ký tên đưa cho bà G giữ. Tuy nhiên, bà T khai chỉ nhớ nhận số tiền khoảng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và xin bà G cho trả dần hàng tháng theo mức thu nhập của bà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức B: Vắng mặt.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- ***Về thủ tục tố tụng:*** Nguyên đơn là Trần Thị Thu G khởi kiện bà Huỳnh Huyền T có địa chỉ tại 574 M, phường V, thành phố R, tỉnh K yêu cầu trả số tiền vay. Nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2]- ***Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu G:*** Giữa bà G và bà T thống nhất lời khai có thỏa thuận vay mượn tiền với nhau từ khoảng năm 2016, năm 2017, ngày 20/5/2018 (âm lịch) bà T và bà G xác định nợ bằng biên nhận do bà T lập. Bà T hẹn đến ngày 01/6/2018 sẽ thanh toán nợ cho bà G nhưng bà T không thực hiện cam kết nên từ đó phát sinh tranh chấp bà G khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay. Bà T thừa nhận việc vay mượn nợ nhưng có lời khai nại chỉ nhận khoảng 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, bà T không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh. Xét bà T xác nhận biên nhận nợ có chữ ký, chữ viết và nội dung biên nhận nợ là do bà T tự lập nên việc bà T khai chỉ nhận 250.000.000 đồng trong số nợ 1.660.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi triệu đồng) theo biên nhận là không có cơ sở. Căn cứ quy định pháp luật tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 việc vay mượn tiền giữa bà G với bà T đủ các điều kiện để giao dịch có hiệu lực, bà T là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mà bà xác lập. Căn cứ Điều 463; Điều 465 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ của bên vay cần buộc bà T trả cho bà G số tiền vay là phù hợp.

[3]- ***Xét yêu cầu tình lãi suất:*** Bà G yêu cầu bà T thanh toán lãi do chậm trả nợ kể từ ngày cam kết. Xét bà G và bà T không thỏa thuận lãi suất khi vay, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ bà T không trả nên bà G có quyền yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 02/6/2018 tương ứng với thời gian chậm trả (ngày xét xử 07/9/2018) theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G. Lãi suất chậm trả được tính như sau: [Số tiền vay 1.660.000.000 đồng x lãi suất (20%/năm x 50%) x thời giam chậm trả: 3 tháng 05 ngày] = 44.156.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền vốn và tiền lãi buộc bà T phải trả cho bà G là: (Tiền vay 1.660.000.000 đồng + tiền lãi 44.156.000 đồng) = 1.704.156.000 đồng (Một tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

[4]- ***Xét yêu cầu xin trả dần:*** Bà T xin trả dần hàng tháng số tiền nợ bà G theo mức thu nhập của bà T. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải có mặt bà G và bà T hai bên không thỏa thuận được thời gian và cách thanh toán nợ. Xét các bên không thống nhất với nhau về phương thức thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận. Mặt khác, yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo hướng dẫn tại mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án. Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà T không thanh toán nợ thì bà G có quyền làm đơn gởi Chi cục thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành khoản nợ này.

[5]-*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.2 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà G được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật là: [36.000.000 đồng + (3% x 904.156.000 đồng)] = 63.124.600 đồng (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng). Bà G được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.900.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004907 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 93; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 117; Điều 357; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm d mục 1.2 phần II Danh mục án phí của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Trần Thị Thu G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn-bà Huỳnh Huyền T. Buộc bà T trả cho bà G tổng số tiền vay vốn và lãi là 1.704.156.000 đồng (Một tỷ bảy trăm lẻ bốn triệu một trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Bà Huỳnh Huyền T phải chịu án phí sơ thẩm là 63.124.600 đồng (Sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn ngàn sáu trăm đồng). Bà Trần Thị Thu G được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.900.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004907 ngày 24/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

3. ***Quyền kháng cáo***: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2018). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hà nh án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận :**
- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THADS Tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Trần Mộng Thúy